

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HS-ST

Ngày 25-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Lành và bà Doãn Thị Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Hà Văn Đ, sinh năm 1989 tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn S và bà Lương Thị C; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 05/2013/HSST ngày 20-3-2013, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999; bị bắt tạm giữ ngày 04-6-2020 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Có mặt.

Người chứng kiến: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thu Hương L, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Nguyễn Hồng M, sinh năm 2000; địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Tư vấn và Cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Anh Lương Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Tư vấn và Cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Trên cơ sở kết quả điều tra, xác định được như sau:

Hà Văn Đ là người có sử dụng ma túy. Vào ngày 02-6-2020, Đại đến thuê phòng số 506 khách sạn K, tổ dân phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, để ở thì Nguyễn Hồng M và Lương Văn T đến ở cùng Hà Văn Đ. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03-6-2020, tại khu vực hẻm 230 đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Hà Văn Đ đã mua của người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) 1 gói ma túy loại Methamphetamine với giá 1.800.000 đồng và được cho thêm 1 chai nhựa trên đầu có gắn ống thủy tinh và ống hút nhựa. Sau khi mua được ma túy, Hà Văn Đ cất giấu trong người mang về phòng số 506 khách sạn K, lấy một ít ra sử dụng; số còn lại, Hà Văn Đ cất giấu để sử dụng dần. Trong lúc Hà Văn Đ sử dụng thì Lương Văn T và Nguyễn Hồng M thấy nên đến xin sử dụng cùng. Đến 10 giờ 15 phút ngày 04-6-2020, Hà Văn Đ đã bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: 1 gói chất màu trắng, dạng tinh thể; 1 chai nhựa trên đầu có gắn ống thủy tinh và ống hút nhựa là dụng cụ mà Hà Văn Đ dùng để sử dụng trái phép chất ma túy; cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm sim số mà Hà Văn Đ đã dùng để liên lạc mua ma túy.

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

2. Các vấn đề khác:

Qua trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số 472/KLGD ngày 13-6-2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận:

“Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 1 gói nilon trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,6351 gam”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận nêu trên.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 148/CT-VKS ngày 11-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Hà Văn Đ về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Hà Văn Đ và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn Đ phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Văn Đ với mức án từ 1 năm 9 tháng tù đến 2 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 04-6-2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 472/PC09 ngày 13-6-2020, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đại H, Bùi Sỹ T); 1 chai nhựa trên đầu có gắn ống thủy tinh và ống hút nhựa.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 1 điện thoại di động hiệu Masstel kèm sim số (điện thoại cũ đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối hận, kính mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc có khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét thấy lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Hà Văn Đ phạm tội như sau:

Hà Văn Đ là người có sử dụng ma túy. Ngày 02-6-2020, Hà Văn Đ đến thuê phòng số 506 khách sạn K, tổ dân phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai để ở thì Nguyễn Hồng M và Lương Văn T đến ở cùng Hà Văn Đ. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 03-6-2020, tại khu vực hẻm 230 đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Hà Văn Đ đã mua của người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) 1 gói ma túy loại Methamphetamine với giá 1.800.000 đồng và được cho thêm 1 chai nhựa trên đầu có gắn ống thủy tinh và ống hút nhựa. Sau khi mua được ma túy, Hà Văn Đ cất giấu trong người mang về phòng số 506 khách sạn K, lấy một ít ra sử dụng; số còn lại, Hà Văn Đ cất giấu để sử dụng dần. Trong lúc Hà Văn Đ sử dụng, Nguyễn Hồng M và Lương Văn T thấy nên đến xin sử dụng cùng. Đến 10 giờ 15 phút ngày 04-6-2020,

Hà Văn Đ đã bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy - Công an thành phố P phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Qua giám định, xác định: Gói chất rắn dạng tinh thể màu trắng mà Đ cất giấu để sử dụng là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,6351 gam.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được tác hại của các chất ma túy đối với sức khỏe con người, việc sử dụng các chất ma túy là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, bị cáo cũng biết rõ pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một mức án tương xứng.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 20-3-2013, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo vẫn không có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; không có ý thức tự cải tạo bản thân. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Hà Văn Đ với một mức án nghiêm khắc để bị cáo có đủ thời gian học tập, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, cũng xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án:

Tịch thu và tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 472/PC09 ngày 13-6-2020, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đại H, Bùi Sỹ T); 1 chai nhựa trên đầu có gắn ống thủy tinh và ống hút nhựa.

Bị cáo đã sử dụng điện thoại di động hiệu Masstel kèm sim số vào việc liên lạc để mua chất ma túy, vì vậy cần tịch thu, sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại này của bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi cho Nguyễn Hồng M và Lương Văn T cùng sử dụng chất ma túy loại Methamphetamine tại phòng số 506 khách sạn K, tổ dân phố 4, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai, do bị cáo thực hiện, qua điều tra xác định: Bị cáo, M và T đều là những người có sử dụng ma túy và có quen biết nhau; việc bị cáo bỏ

tiền và đi mua ma túy, cất giấu gói ma túy thì M và T đều không biết. Khi thấy bị cáo sử dụng ma túy, M và T xin sử dụng nên bị cáo đã cho sử dụng cùng. Do vậy, không có đủ căn cứ để xử lý đối với bị cáo Hà Văn Đ về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cũng như hành vi lôi kéo người khác sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại Quyết định số: 37/QĐ-TA ngày 20-7-2020, Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Lương Văn T; thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 20 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Tư vấn và Cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai.

Tại Quyết định số: 39/QĐ-TA ngày 20-7-2020, Tòa án nhân dân thành phố P đã quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Hồng M; thời gian chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc là 21 tháng, kể từ ngày người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính bị tạm giữ để đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở Tư vấn và Cai nghiện ma túy tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thu Hoàng L là người quản lý khách sạn K, việc bị cáo tàng trữ và sử dụng trái phép ma túy tại khách sạn thì chị L không biết nên không có căn cứ để xử lý về hành vi không tố giác tội phạm hoặc chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với đối tượng nam thanh niên là người mà bị cáo khai đã bán chất ma túy cho bị cáo tại hẻm 230 đường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ; do sau khi mua được ma túy, bị cáo đã xóa số điện thoại và không nhớ số điện thoại của đối tượng này; Cơ quan điều tra đã mở danh bạ, nhật ký trong chiếc điện thoại của bị cáo nhưng không xác định được số điện thoại của người đã bán ma túy và không xác định được nội dung liên quan đến việc mua bán chất ma túy. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành xác minh tại phường P, thành phố P nhưng chưa xác định được đối tượng nam thanh niên đã bán ma túy cho bị cáo nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét, xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn Đ;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn Đ phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Hà Văn Đ 1 (*một*) năm 9 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 04-6-2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu và tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định trong bì công văn ghi số 472/PC09 ngày 13-6-2020, có dấu niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai (có các chữ ký của Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đại H, Bùi Sỹ T); 1 chai nhựa trên đầu có gắn ống thủy tinh và ống hút nhựa.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 1 điện thoại di động hiệu Masstel kèm sim số (điện thoại cũ đã qua sử dụng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không kiểm tra tình trạng bên trong).

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 21-9-2020 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Hà Văn Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền

